

Số: 1814/BC-BNG-THKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2009

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	
ĐẾN	Số: 2555
	Ngày 5 tháng 6 năm 2009
	Chuyên:

BÁO CÁO

Một số nội dung chính trong trao đổi tọa đàm của Giáo sư Paul Krugman tại Việt Nam (21-22/5/2009)

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Nhận lời mời của Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm, Giáo sư Paul Krugman của trường Đại học Princeton, Hoa Kỳ đã tới Việt Nam tham dự Tọa đàm “*Kinh tế thế giới hậu khủng hoảng tài chính: Khuyến nghị chiến lược phát triển cho Việt Nam*” do Bộ Ngoại giao tổ chức tại Hà Nội ngày 22/5/2009. Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Sinh Hùng chủ trì buổi tọa đàm. Tham gia tọa đàm có Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Chủ nhiệm Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia Lê Đức Thuý, đại diện Hội đồng Lý luận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, lãnh đạo một số Bộ/ngành, đại diện các cơ quan nghiên cứu và trường đại học.

Trước đó, giáo sư Paul Krugman đã tham dự Tọa đàm “*Tìm kiếm cơ hội và giải pháp trong khó khăn và khủng hoảng*” do Tổ chức giáo dục PACE tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/5 với sự tham dự của đại diện một số cơ quan chính phủ, giới nghiên cứu, các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế tại Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp.

Bộ Ngoại giao xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung trao đổi chính tại các buổi tọa đàm của giáo sư Paul Krugman như sau:

1. Nội dung trao đổi

Về tình hình và triển vọng kinh tế thế giới

- Đánh giá tình trạng khó khăn và suy giảm kinh tế toàn cầu hiện nay, giáo sư Paul Krugman cho rằng đây thực chất là cuộc khủng hoảng tài chính, không phải là cuộc khủng hoảng về mô hình và chiến lược phát triển kinh tế. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng bắt nguồn từ những yếu kém và sơ hở trong quản lý tài chính, đặc biệt là kiểm soát các khoản tiền đầu cơ dẫn tới tình trạng bong bóng tài chính và bất động sản tại Mỹ và một số nước, khi đổ vỡ đã tạo nên khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu. Về bản chất, cuộc khủng hoảng hiện nay giống như khủng hoảng tài chính

photo chuyển
LTT; các khoa
3 TC/ƯN.
[Signature]

1929-1933 và khủng hoảng tài chính-tiền tệ Châu Á 1997 và diễn ra trong bối cảnh các nước đều có tâm lý chủ quan, cho rằng kinh tế thế giới đã thoát khỏi nguy cơ khủng hoảng và sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh.

- Về diễn biến của cuộc khủng hoảng, giáo sư Paul Krugman cho rằng giai đoạn căng thẳng nhất của cuộc khủng hoảng đã qua và kinh tế thế giới đang tiến gần đến đáy khủng hoảng. Tốc độ giảm sút của kinh tế thế giới đã chậm lại, trong đó kinh tế Mỹ vẫn tiếp tục suy giảm nhưng không nhanh như trước đây, thể hiện qua con số người mất việc làm giảm xuống còn 400.000 – 500.000 người/tháng (so với khoảng 700.000 người/tháng trong thời gian trước). Tuy nhiên, chưa có nhiều dấu hiệu khả quan cho kinh tế thế giới, chi tiêu tiêu dùng ở Mỹ và nhiều nơi trên thế giới vẫn yếu do nhu cầu tiết kiệm của các hộ gia đình tăng lên sau khi bong bóng tài chính và bất động sản đổ vỡ. Trung Quốc thông báo nền kinh tế đã phục hồi tuy nhiên một số dữ liệu của kinh tế Trung Quốc chưa chứng tỏ điều này.

- Giáo sư Paul Krugman đánh giá kinh tế thế giới có thể bắt đầu phục hồi vào cuối năm nay hoặc trong năm 2010 và sẽ cần tới 3-4 năm tới mới có thể phục hồi hoàn toàn. Tuy nhiên, nếu hoạt động của khu vực tài chính-ngân hàng không được cải thiện sẽ ảnh hưởng tới sự phục hồi của các nền kinh tế và không loại trừ kịch bản kinh tế thế giới lâm vào tình trạng trì trệ kéo dài và giảm phát như đã xảy ra với Nhật Bản (Japan-type scenario) trong thập kỷ 90.

Về các giải pháp đối phó với khủng hoảng và ổn định kinh tế thế giới

- Giáo sư Paul Krugman đánh giá việc các nước sử dụng các gói kích cầu để đối phó với khủng hoảng là biện pháp đúng đắn, tuy nhiên cho rằng giá trị các gói kích cầu chưa đủ lớn. Chẳng hạn ở Mỹ, sự chênh lệch giữa GDP thực và GDP dự báo trong quý I là 6,5 lần nhưng giá trị của gói kích cầu chỉ vào khoảng 2,5% GDP, không đủ bù đắp cho sự chênh lệch. Các chính phủ cần tăng cường các gói kích cầu dù điều này có thể dẫn tới nợ quốc gia.

Để đảm bảo sự phát triển bền vững của kinh tế thế giới và tránh nguy cơ khủng hoảng tài chính, các nước cần tăng cường hoạt động giám sát đối với khu vực tài chính-ngân hàng và hình thành các mạng lưới đảm bảo tài chính (safety nets). Các nước cần phối hợp điều hành chính sách tài chính-tiền tệ và đưa ra các quy định giám sát tài chính ở phạm vi toàn cầu để tránh tạo ra những kẽ hở để cho các định chế tài chính lợi dụng.

- Giáo sư Paul Krugman cho rằng ngoài hệ thống tài chính-tiền tệ cần phải được tăng cường kiểm soát, mô hình kinh tế toàn cầu hiện nay về cơ bản vẫn phù hợp. Hệ thống thương mại toàn cầu hiện nay và các chính sách mở cửa nền kinh tế, khuyến khích sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân vẫn phát huy hiệu quả. Toàn cầu hoá sẽ tiếp tục nhưng có khả năng sẽ chịu tác động của những yếu tố như biến động giá dầu và môi trường.

Về kinh tế Trung Quốc

- Giáo sư Paul Krugman đánh giá trong 15-25 năm nữa Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới tính theo tỷ giá hối đoái thị trường. Tuy nhiên, nếu tính theo giá trị thị trường thì cần nhiều thời gian hơn để kinh tế Trung Quốc có thể vượt qua kinh tế Mỹ. Những lợi thế của Trung Quốc là dân số đông, giàu nhiệt huyết và có nhiều tài nguyên thiên nhiên. Sự gia tăng quan hệ kinh tế với Trung Quốc sẽ đem lại những kết quả tích cực.

- Giáo sư Paul Krugman cho rằng khả năng đồng Nhân dân tệ (RMB) trở thành đồng tiền chủ chốt thay thế cho đồng USD sẽ không xảy ra trong vài chục năm tới bởi nhiều lý do. Thứ nhất, đến nay đồng RMB chưa phải là đồng tiền có khả năng chuyển đổi và chưa đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tiền tệ quốc tế. Thứ hai, cần thời gian dài nữa quy mô kinh tế Trung Quốc mới ngang bằng với kinh tế Mỹ tính theo giá trị thị trường. Thứ ba, ngay cả trong trường hợp Trung Quốc trở thành nền kinh tế thế giới thì việc đồng Nhân dân tệ trở thành đồng tiền chủ chốt cũng có độ trễ nhất định.

Khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam

- Giáo sư Paul Krugman đánh giá trong thời gian qua, kinh tế Việt Nam đã phát triển rất tốt nhờ vào mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu và khuyến khích các ngành sử dụng nhiều lao động, chính sách mở cửa nền kinh tế, thúc đẩy cổ phần hoá và phi tập trung hoá. Việt Nam có một số vấn đề thông thường về chính sách như thâm hụt tài chính, lạm phát nhưng nền kinh tế cơ bản vẫn vững mạnh. Những khó khăn đối với kinh tế Việt Nam hiện nay không bắt nguồn từ mô hình phát triển kinh tế mà là kết quả của những tác động từ bên ngoài. Việt Nam cần tiếp tục theo đuổi tự do hoá nền kinh tế, hướng tới các thị trường bên ngoài (do quy mô thị trường trong nước còn nhỏ), đồng thời từng bước tham gia các mạng lưới sản xuất khu vực và toàn cầu..

Giáo sư Paul Krugman nhấn mạnh Việt Nam là nước đi sau do đó cần nhiều thời gian để phát triển, không nên nóng vội thúc ép nền kinh tế phát triển quá nhanh, việc hiện đại hoá cơ cấu hàng xuất khẩu cũng phải diễn ra từng bước. Ví dụ tiêu biểu là Hàn Quốc bắt đầu mở cửa từ đầu những năm 60 và phải cần vài chục năm mới có thể đạt mức thu nhập tương đương với 60% của Mỹ hiện nay. Trong suốt thập kỷ 60 và 70, Hàn Quốc chủ yếu xuất khẩu những sản phẩm sử dụng nhiều lao động như hàng may mặc, giày dép, gỗ dán... và dần chuyển sang các sản phẩm hiện đại hơn. Trong quá trình phát triển, Hàn Quốc cũng đã mắc sai lầm về chính sách khi thúc đẩy công nghiệp nặng quá sớm vào thập kỷ 70, dẫn tới những khoản đầu tư xấu, để lại hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế.

- Giáo sư Paul Krugman khuyến nghị 3 lĩnh vực Việt Nam cần chú trọng trong thời gian tới. Thứ nhất là phát triển giáo dục, đặc biệt là đảm bảo giáo dục phổ cập cho người dân. Thứ hai là phát triển cơ sở hạ tầng, trong đó chính phủ cần đóng vai trò quan trọng. Thứ ba là tránh khủng hoảng tài chính, thận trọng trong giảm điều tiết hoặc chuyển đổi sở hữu các ngân hàng và đặc biệt là hết sức lưu ý việc tự do hoá tài khoản vốn vì sẽ có khả năng dẫn đến khủng hoảng tài chính.

2. Nhận xét và kiến nghị

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian qua các cơ quan chính phủ và viện nghiên cứu đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động đối thoại, tư vấn chính sách quốc tế, bước đầu đạt kết quả tích cực. Việc các nhà kinh tế hàng đầu như Michael Porter, Paul Krugman tới tham gia các hoạt động tư vấn chính sách tại Việt Nam đã góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam là địa điểm tiếp nhận và lan toả tri thức của khu vực.

Trong thời gian tới, ngoài các hoạt động tư vấn chính sách quốc tế, Bộ Ngoại giao kiến nghị các cơ quan và viện nghiên cứu của ta tăng cường hợp tác với các cơ sở nghiên cứu của các nước có thế mạnh về kinh tế để thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu về kinh tế Việt Nam. Trên thực tế, số lượng các cơ sở và các học giả có uy tín trên thế giới nghiên cứu chuyên sâu về Việt Nam chưa nhiều (bản thân Giáo sư Paul Krugman thừa nhận là chưa nghiên cứu nhiều về Việt Nam).

Trên cơ sở này, Bộ Ngoại giao xin kiến nghị:

- Bộ Ngoại giao tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan liên quan lựa chọn mời các chuyên gia kinh tế quốc tế có uy tín vào Việt Nam để tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tư vấn chính sách theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 4585/VPCP-QHQT của Văn phòng Chính phủ.

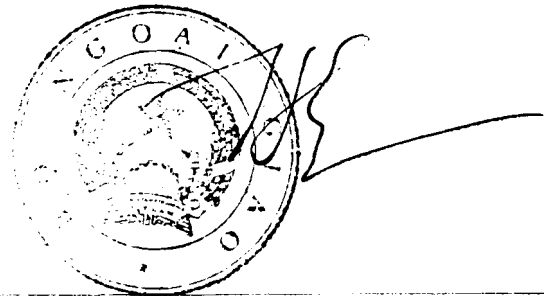
- Khuyến khích các viện nghiên cứu, các trường đại học tăng cường các hoạt động liên kết, hợp tác, trao đổi tri thức với các cơ sở nghiên cứu của các nước có thế mạnh về kinh tế và các nhà kinh tế uy tín nhằm thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu về kinh tế Việt Nam.

Bộ Ngoại giao kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTg, BT Phạm Gia Khiêm (để báo cáo);
- VPCP, các Bộ: CT, KHĐT, TC, NHNN;
- Hội đồng lý luận Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Học viện Chính trị Hành chính quốc gia HCM;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Viện: Khoa học và Xã hội Việt Nam, Kinh tế Chính trị Thế giới, Kinh tế Việt Nam, Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam;
- Các Trường ĐHQG Hà Nội, ĐH KTQD Hà Nội, ĐH Ngoại thương;
- Lưu: HC, THKT, CSĐN, KTĐP, HVNG.



BIÊN BẢN

Tọa đàm “Kinh tế thế giới hậu khủng hoảng tài chính:

Khuyến nghị chiến lược phát triển cho Việt Nam”

(22/5/2009)

I. MỞ ĐẦU

- **Thủ trưởng Bộ Ngoại giao Đoàn Xuân Hưng:** Hôm nay chúng ta có vinh dự lớn đón Giáo sư Paul Krugman, nhà kinh tế nổi tiếng được giải Nobel 2008. Hôm qua Giáo sư đã có cuộc làm việc cả ngày trong Tp. HCM, có gần 1000 người tham dự. Hôm nay, Bộ Ngoại giao tổ chức buổi tọa đàm do Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Sinh Hùng chủ trì. Xin được giới thiệu Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Sinh Hùng, Bộ trưởng – Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cùng nhiều đồng chí đại diện Lãnh đạo các Bộ, ngành, viện nghiên cứu kinh tế của Việt Nam. Xin hoan nghênh chào đón Giáo sư Paul Krugman.

- **Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Sinh Hùng:** Tôi rất hân hạnh được thay mặt Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đón Giáo sư ngày hôm nay. Hà Nội là điểm dừng chân trong chuyến công du các nước Châu Á của giáo sư. Hà Nội là thành phố anh hùng và cũng là thành phố vì hòa bình của thế giới, rất tiếc không có nhiều thời gian để giới thiệu với Giáo sư về những nét độc đáo của thủ đô Hà Nội.

Toàn cầu hóa gắn kết các nước với nhau, tất cả mọi nơi đều nói về câu chuyện khủng hoảng. Khủng hoảng kinh tế-tài chính toàn cầu lại một lần nữa là chủ đề ngày hôm nay. Rất vui mừng trao đổi với Giáo sư hàng đầu thế giới, được coi là người sớm nhất cảnh báo về khủng hoảng thế giới, và là người khởi xướng các tư duy mới về khủng hoảng và khắc phục khủng hoảng. Việt Nam không nằm ngoài tầm ảnh hưởng của biến động kinh tế thế giới. Chúng tôi rất đồng ý với Giáo sư rằng trong bối cảnh khó khăn cần tạo dựng chính sách nhanh để ứng phó với khủng hoảng, và chúng ta cần thực thi nhiều nhóm chính sách khác nhau. Để làm được điều đó, Việt Nam cần hiểu thế giới, hiểu các nước, và cùng hành động chung một hướng, đưa ra các chính sách thực tiễn của nền kinh tế trong nước và quan trọng hơn cần nhận thức rõ thế giới phát triển thế nào sau khủng hoảng để nắm bắt những cơ hội mới. Chính phủ Việt Nam muốn lắng nghe ý kiến của những nhà kinh tế có uy tín trên thế giới. Chúng tôi coi đây là nguồn thông tin tư vấn rất bổ ích. Thành ngữ văn hóa dân gian của Việt Nam có câu “Lời nói là gói vàng”. Chúng tôi hy vọng sẽ có một buổi trao đổi sôi nổi với Giáo sư và các vị đại biểu tham dự Tọa đàm hôm nay, từ đó tìm ra những sáng kiến quan trọng. Trân trọng cảm ơn Giáo sư, xin chúc sức khỏe Giáo sư và Quý vị, và chúc buổi tọa đàm của chúng ta thành công tốt đẹp.

- **Giáo sư Paul Krugman:** xin cảm ơn tất cả và cảm ơn bài phát biểu của Phó Thủ tướng. Tôi rất vinh hạnh có mặt tại đây, giá mà tôi được ở đây lâu hơn. Hà Nội là thành phố kỳ diệu, tiếc rằng tôi chỉ được ở đây có 2 tiếng. Đây là thời khắc bất thường, một cuộc khủng hoảng toàn cầu gay gắt, tôi được gửi một số câu hỏi, tôi sẽ trả lời những câu hỏi này, sau đó chúng ta sẽ có một cuộc thảo luận.

1. Mô hình của quá trình phục hồi kinh tế sẽ là chữ gì? L, V hay mô hình nào khác?

Tôi cho rằng mô hình này nằm ở giữa chữ L và logo của Nike (đi xuống nhanh chóng và đi lên từ từ). Chúng ta đang ở đâu? Tất cả những dữ liệu ta có thể hiện tốc độ giảm sút nhanh chóng của các nền kinh tế lớn trên thế giới đã chậm lại. Mọi thứ đang xấu đi, nhưng tốc độ xấu đi đang chậm lại. Vẫn có nhiều người mất việc làm tại Mỹ nhưng tốc độ không nhanh như trước đây nữa (khoảng 400.000 -500.000 người/tháng). Điều này thể hiện kinh tế Mỹ vẫn đang suy giảm nhưng không nhanh như trước đây.

Không có một cơ sở nào từ các số liệu thể hiện rằng chúng ta sẽ phục hồi nhanh chóng. Đầu tư vào khu vực nhà ở vẫn chậm, chỉ tiêu tiêu dùng ở Mỹ và nhiều nơi trên thế giới vẫn yếu bởi vì nhu cầu tiết kiệm của các hộ gia đình tăng lên sau khi bong bóng thị trường chứng khoán và nhà đất bị vỡ, ít dấu hiệu cho rằng kinh tế sẽ phục hồi. Các hoạt động của chính phủ đã giúp ổn định tình hình nhưng vẫn chưa đủ để cho kinh tế phục hồi. Thời gian cho phục hồi sẽ kéo dài, kinh tế sẽ tăng chậm, khả năng dư thừa vẫn còn. Phục hồi có thể bắt đầu vào cuối năm nay hoặc sang năm sau, phục hồi hoàn toàn có thể phải cần 3-4 năm nữa. Câu chuyện không vui, nhưng không phải là tai họa. Giai đoạn căng thẳng nhất đã qua rồi.

2. Thách thức của quá trình phục hồi

Một phần khó khăn tôi đã mô tả ở trên. Đối với các cấu thành khác nhau của cầu (demand), tôi muốn bổ sung 2 vấn đề:

(i) Mặc dù hệ thống ngân hàng đã được cứu khỏi khả năng sụp đổ, nhưng nguy cơ vẫn còn. Đặc biệt Châu Âu và Mỹ phụ thuộc nhiều vào tài chính và thị trường chứng khoán (rất nhiều các kênh phi ngân hàng). Các kênh này bị đình trệ nhưng chưa có gì để thay thế chúng.

(ii) Giới hạn của các hành động tài chính đã chạm biên tại nhiều nước, riêng Mỹ thì chưa. Vấn đề là nợ quốc gia (như ở Anh). Các nước Đông Á có những chính sách rất khác nhau, không thể gom vào làm một. Nhật Bản thiếu hụt khoát. Trung Quốc đã công bố gói kích cầu lớn và báo cáo rằng nền kinh tế đã phục hồi. Tuy nhiên có vấn đề về những tuyên bố đó. Có những dữ liệu của Trung Quốc không khớp với dấu hiệu phục hồi. Tiêu dùng vẫn đang đi xuống. Chính quyền địa phương báo cáo với Trung ương đã sử dụng gói kích cầu, nhưng thực tế là tiền đã dùng để đầu cơ, không phải đầu tư. Trung Quốc đã vay để đầu tư cho cơ sở hạ tầng phát triển nhanh chóng như đầu năm nay, nhưng thực ra tiền đó là để đầu tư trong năm sau hoặc năm sau nữa. Câu hỏi đặt ra là thực ra Trung Quốc đã chi bao nhiêu để phục hồi kinh tế.

3. Có phải Trung Quốc đang gặp khó khăn lớn?

Ở trên tôi đã trả lời câu hỏi này rồi. Tôi không nghĩ Trung Quốc gặp khó khăn lớn, Trung Quốc đang phát triển chậm lại. Nhưng tôi không nghĩ rằng Trung Quốc đã giải quyết được vấn đề mà họ đã tuyên bố điều đó quá sớm.

4. Có cần từ bỏ mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu?

Không, Việt Nam đã phát triển rất tốt dựa vào mô hình trên. Vấn đề là dựa vào thặng dư thương mại lớn để kích cầu. Đây là vấn đề của Trung Quốc, không phải của Việt Nam. Sự phát triển hướng ngoại vẫn rất mạnh mẽ. Cần theo đuổi tự do hóa thị trường trong khu vực. Không có gì chứng tỏ mô hình này không đúng. Các lĩnh vực kinh tế thật (real economy side) vẫn còn giá trị. Đây chỉ là cuộc khủng hoảng về tài chính. Tôi không thấy có vấn đề cơ bản nào với chiến lược phát triển cả.

Về xuất khẩu sản phẩm sử dụng nhiều lao động tại Việt Nam, các bạn nên có sự cải tiến nhưng phải đúng lúc. Đúng là hoạt động xuất khẩu của Việt Nam hiện nay phát triển rất mạnh. Việt Nam muốn chuyển sang xuất khẩu các sản phẩm hiện đại hơn, nhưng cần thời gian. Ở Tp. HCM, tôi dùng ví dụ của Hàn Quốc. Hàn Quốc rất nghèo trong thập kỷ 60, và hiện nay đã trở thành một nước tiên tiến, đây là thành công rất lớn. Các mặt hàng xuất khẩu của Hàn Quốc cuối 60 và đầu 70 đều là những sản phẩm sử dụng nhiều lao động: may mặc, giày dép, răng giả, gỗ dán là những sản phẩm không cao cấp lắm nhưng đó là giai đoạn đầu tiên và không có gì sai trái.

5. Triển vọng phát triển của vùng Châu Á – Thái Bình Dương

Đông Á sẽ trở thành trung tâm của thế giới. Nền kinh tế Trung Quốc phát triển rất nhanh trong khu vực. 15-25 năm nữa Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất. Về giá trị thị trường, thì cần nhiều thời gian hơn, Trung Quốc mới vượt Mỹ. Trung Quốc có dân số đông, nhiều năng lượng, con người đầy nhiệt huyết. Sự gia tăng liên kết kinh tế với Trung Quốc trong bất kỳ lĩnh vực gì đều đem lại kết quả tích cực.

II. PHẢN THẢO LUẬN

Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng: cảm ơn ý kiến phát biểu của Giáo Sư về những câu hỏi mà chúng tôi đã đặt ra. Bây giờ chúng ta chuyển sang phần trao đổi.

Chủ tịch Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia Lê Đức Thúy: nêu hai câu hỏi

1. Giáo sư nói mô hình hướng vào xuất khẩu không sai, nhưng đang có đề xuất về việc cơ cấu lại nền kinh tế thế giới theo hướng điều chỉnh mô hình phát triển kể cả các nước phát triển và đang phát triển, hướng vào nhu cầu nội địa, tiết kiệm nhiều hơn, chi tiêu ít hơn (như ở Mỹ). Vậy các nước phát triển có phát huy lợi thế so sánh của họ về khoa học công nghệ trong quan hệ thương mại quốc tế hơn không? Các nước đang phát triển có tận dụng được lợi thế so

sánh của mình nhiều hơn không? Nếu không làm được điều đó thì hiệu quả phát triển kinh tế thế giới sẽ như thế nào?

2. Một trong những nguyên nhân khủng hoảng theo Giáo sư là do hệ thống tài chính, thế giới đặt ra phải giám sát chặt chẽ hơn nữa, trong đó có những định chế tài chính lớn thuộc diện là quá lớn để có thể sụp đổ (too big to fall). Cơ chế giám sát quốc tế sẽ như thế nào, đặc biệt các quốc gia nơi các tổ chức tài chính được thành lập và đặt trụ sở sẽ phải thay đổi hoạt động giám sát của mình như thế nào? Ví dụ như Mỹ đối với Citigroup hay Anh với HSBC chẳng hạn...

Trả lời: Về hệ thống tài chính, chúng ta đã cho phép các định chế tài chính trở nên quá lớn, điều này làm cho việc ra chính sách sẽ khó khăn. Ví dụ không nên để Citigroup phát triển quá lớn, vừa là ngân hàng thương mại vừa là công ty bảo hiểm). Nhưng việc cứu các định chế trong khủng hoảng là bắt buộc. Nhớ lại trường hợp Lehman Brothers, đây là định chế nhỏ hơn và đơn giản hơn Citigroup nhưng lại có mối ràng buộc quá chặt chẽ trong hệ thống, do đó không thể để tập đoàn này sụp đổ. Chúng ta không thể ngăn không cho một số định chế tài chính phát triển thành những tổ chức quan trọng chiến lược, để rồi khi thất bại sẽ tạo ra hiệu ứng dây chuyền ghê gớm. Sự sụp đổ của Lehman Brothers không phải là kết quả cụ thể của quá trình phát triển của các định chế tài chính, mà là sự thay đổi chính sách của chính phủ với các định chế. Việc hạn chế các định chế phát triển không phải là giải pháp cho vấn đề, nhưng chúng ta cần có quy định bao quát hơn. Giờ đây, bất cứ định chế tài chính nào muốn được giải cứu trong khủng hoảng đều cần phải được quản lý trong thời điểm bình thường. Điều này có nghĩa là mở rộng quy định và yêu cầu đảm bảo an toàn đối với các ngân hàng thông thường. Yêu cầu về vốn cần phải được xác định rõ hơn. Không định chế nào được phép có tỷ lệ đòn bẩy tài chính (leverage ratio) quá cao (ví dụ chỉ ở mức 10:1, chứ không được tới mức 30:1). Các quy định cần phải đưa ra theo nguyên tắc. Chúng ta không có một hệ thống luật lệ rõ ràng. Trong trường hợp này, các định chế có thể lợi dụng các kẽ hở. Những người ra quy định phải nghiên cứu kỹ thực tiễn và có đủ quyền lực. Và các quy định này cần phải được áp dụng ở phạm vi toàn cầu để các định chế tài chính không thể lợi dụng kẽ hở tại các hoạt động ở nước ngoài. Điều này rất khó thực hiện, nhưng nếu chúng ta không làm như vậy, chúng ta sẽ phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng khác.

Bộ trưởng – Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc:

1. Xin đánh giá hiệu quả các gói kích cầu của các nước trên thế giới mà giáo sư nghiên cứu, nếu có thể xin đánh giá gói kích cầu của Việt Nam. Khi kích cầu nên tập trung vào những lĩnh vực nào? Và theo giáo sư thế giới sẽ phục hồi trong 3-4 năm, vậy thời gian kích cầu nên là bao lâu?

2. Việt Nam đang phát triển mạnh, GDP đạt 7-8% trong nhiều năm gần đây, năm 2008 mặc dù khó khăn nhưng vẫn đạt 6,2%. Việt Nam đặt mục tiêu cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020, tuy nhiên nhiều nhà kinh tế cảnh báo về bẫy thu nhập trung bình:

Chỉ ở mức tối đa 3000-5000USD/năm, vậy đối với một nước có trình độ phát triển thấp như Việt Nam cần chuẩn bị những điều kiện cần thiết gì để tránh bẫy thu nhập trung bình?

Trả lời: Tôi không có đủ thẩm quyền và đủ thông tin để đánh giá về Việt Nam. Tôi có nghiên cứu về Trung Quốc, họ nói nhiều nhưng họ không làm nhiều như họ nói. Mỹ có kế hoạch kích cầu, nhưng chưa đủ lớn. Khoảng cách về sản lượng quý I của Mỹ so với dự báo là 6.5%, gói kích thích là: 2,5% GDP. Vì vậy gói này mới chỉ bù đắp được một phần cho sự chênh lệch trên. Gói này không đủ để tạo ra việc làm cho mọi người. Các nước khác cũng tương tự như vậy, trừ Trung Quốc.

Tôi không chắc cách để tránh bẫy thu nhập trung bình. Để đạt mức thu nhập trung bình cần tới nỗ lực lớn nhưng các nước Mỹ la tinh lại đang đang bị kẹt ở mức thu nhập này. Các nước Đông Á đã thành công hơn. Vấn đề là giáo dục. Giáo dục phổ cập rất quan trọng đối với các nước đang phát triển, nhưng Mỹ la tinh không thành công. Bài học rút ra là không nên thúc ép để phát triển quá nhanh. Quay lại ví dụ Hàn Quốc. Hàn Quốc đã có một bước đi sai nghiêm trọng trong những năm 70 là thúc đẩy công nghiệp nặng quá sớm, dẫn tới những khoản đầu tư xấu nghiêm trọng. Các bạn nên hướng về tương lai, nhưng không được đốt cháy giai đoạn. Không nên nghĩ là Việt Nam có thể trở thành Thụy Điển trong 20 năm.

Thứ trưởng Bộ KH-ĐT Cao Viết Sinh: Được biết Giáo sư rất nổi tiếng về cảnh báo, vậy từ giờ đến 10 năm tới, khủng hoảng sẽ xảy ra vào năm nào?

Trả lời: Tôi không biết. 10 năm trước, khủng hoảng Đông Á là lời cảnh báo, và là sự tập dượt cho khủng hoảng hiện nay. Chúng ta đã từng yên tâm nhưng cuối cùng lại gặp khó khăn với cuộc khủng hoảng hiện nay. Có sự lo ngại là khủng hoảng sẽ lại xảy ra sau 10 năm nữa, và còn tồi tệ hơn hiện nay.

Thứ trưởng Bộ Tài chính Trần Xuân Hà: Trong bối cảnh hiện nay, toàn cầu hóa có phải là xu thế duy nhất đối với nền kinh tế các nước? Ngài có nhận xét gì, khuyến cáo gì về vấn đề tự do hóa tài sản vốn, đặc biệt là đối với VN về vấn đề này?

Trả lời: Toàn cầu hóa không tự động xảy ra mà phụ thuộc vào cơ chế thương mại tự do. Trong thế kỷ qua, toàn cầu hóa phát triển rất nhanh, sau đó đi xuống rồi lại đi lên. Năm 1913, toàn cầu hoá chậm lại, đến năm 1950 lại được hồi phục. Do đó không phải toàn cầu hóa lúc nào cũng tăng, nhưng quá trình này diễn ra mạnh hơn hiện nay. Điều này không có gì bí hiểm, không phải do những yếu tố vô hình hay quy luật tự nhiên. Nguyên nhân thúc đẩy toàn cầu hoá là chi phí vận chuyển thấp, trong đó quan trọng nhất có thể là kết quả của cách thức vận chuyển bằng container. Cách thức vận chuyển này tăng trưởng nhanh từ năm 70, và giúp giảm chi phí vận tải đường biển giữa các nước khác nhau. Toàn cầu hóa cho phép khả năng tham gia vào các chuỗi sản xuất. Xu hướng này sẽ tiếp tục tiếp diễn. Liệu những vấn đề về năng lượng và môi trường có làm giảm tốc độ toàn cầu hóa? Hoạt động vận tải phụ thuộc vào giá dầu, giá dầu tăng sẽ làm

giảm quá trình toàn cầu hóa. Đầu năm trước, giá dầu tăng đã gây tác động xấu tới toàn cầu hóa. Việc hạn chế khí thải CO2 cũng ảnh hưởng tới hoạt động vận tải nhưng không lớn.

Việc tự do hóa tài khoản vốn phải hết sức cẩn thận, vì không có nhiều kinh nghiệm về vấn đề này. Tự do hoá tài khoản vốn sẽ dẫn đến nhiều cuộc khủng hoảng. Khủng hoảng năm 1997, và cuộc khủng hoảng hiện nay cũng vậy. Việc không chuyển đổi hoàn toàn đồng tiền đã dẫn tới sự tăng giá. Nhưng dòng vốn không được kiểm soát dẫn tới khủng hoảng khi xuất hiện tình trạng dòng vốn đang ào ạt chảy vào bị đảo ngược. Nếu hệ thống ngân hàng không được an toàn, các bạn sẽ phải lo lắng về nguy cơ dòng vốn quốc tế sẽ làm hệ thống ngân hàng bất ổn. Iceland hay Ireland là một ví dụ. Các nước có thu nhập dưới 10.000 USD GDP cần thận trọng.

Giáo sư có giải thích nguyên nhân khủng hoảng là do thâm hụt của Mỹ và dư thừa của Trung Quốc? Vậy giáo sư hôm nay còn giữ ý kiến đó không? Khả năng đồng USD chuyển đổi thành RMB?

Trả lời: thế giới phức tạp hơn việc Mỹ thâm hụt và Trung Quốc thặng dư. Trung Quốc và Trung Đông thặng dư, trong Châu Âu cũng có sự mất cân bằng lớn. Các quốc gia thặng dư gồm có: Trung Quốc, Đông Á, các nước công nghiệp mới (NIC). Các nước đang mắc nợ: Mỹ, các nước mới nổi ở Châu Âu, Anh. Do đó nguyên nhân này không phải là song phương mà là đa phương.

Ở Tp. Hồ Chí Minh, và ở Châu Á tôi cũng được đặt câu hỏi là khi nào đồng RMB sẽ thay thế USD? Điều này sẽ không thể xảy ra trong đời tôi. Đầu tiên RMB không chuyển đổi được. Trung Quốc thanh toán bằng RMB, nhưng không có nước thứ ba nào dùng RMB, do đồng tiền này không chuyển đổi được. Phải 20 năm nữa hoặc lâu hơn, kinh tế Trung Quốc mới ngang bằng Mỹ theo tỉ giá hối đoái thị trường (chứ không phải trên tỉ giá hối đoái ngang giá sức mua PPP). Hiện giờ kinh tế Trung Quốc nhỏ hơn kinh tế Nhật Bản (nhưng lớn hơn trên PPP). Hiện giờ RMB thậm chí còn không quan trọng bằng đồng Yên. Sự chuyển đổi tiền tệ có độ trễ cho dù là đối với đồng tiền mạnh. Ví dụ đồng USD đã rất mạnh vào năm 1880, nhưng phải đến năm 1935, đồng USD mới thay thế được đồng Bảng.

Tôi hoài nghi về Trung Quốc. Trung Quốc nói rất nhiều về chuyển đổi tiền tệ. Trung Quốc đã mua rất nhiều USD và đang tìm cách thoát khỏi tình trạng này. SDR là rổ tiền tệ được tạo thành từ Yên, Euro, Bảng, nếu muốn giữ SDR thì hãy cứ mua. Trong 20 năm tới, đồng Euro có thể cạnh tranh với USD, vì tính thanh khoản cao, nhưng USD vẫn có lợi thế. Hiện giờ đồng USD mạnh một cách bất thường bởi nỗi lo ngại về thị trường. Hôm qua ở Tp. HCM có câu hỏi: ông Geithner phát biểu mọi thứ đang rất tốt, nhưng chính lúc đó USD lại sụt giá, tại sao như vậy? Đó là do mọi người nghĩ thế giới đã an toàn hơn. Những tin tốt lành thường có hại cho đồng USD.

Việt Nam có thế mạnh về nông nghiệp, vừa qua Việt Nam có chính sách tam nông, nhưng giá sản phẩm nông nghiệp trên thế giới lại rất rẻ so với các sản phẩm công nghiệp (nghịch lý), nguyên nhân nào? Làm thế nào để khắc phục?

Trả lời: Giá của ngũ cốc vẫn rất cao, và sẽ tiếp tục tăng. Tôi cho là như vậy. Khi kinh tế phục hồi, giá cả hàng hoá sẽ phục hồi, nhưng tôi nghĩ giá dầu sẽ đi trước. Về dài hạn, đất trồng trọt trên thế giới có hạn, kinh tế lại tăng trưởng. Các nước trở nên giàu có hơn và sẽ tiêu dùng nhiều thịt hơn. Điều này đồng nghĩa với việc cần nhiều ngũ cốc hơn, vì để sản xuất 1 kg thịt cần tới 7kg ngũ cốc. Do đó xu hướng dài hạn của giá ngũ cốc sẽ tăng.

Đại biểu Quốc hội Trần Du Lịch: *Tôi có nghe nói giáo sư nói vấn đề hiện nay không phải là khủng hoảng, mà là làm gì hậu khủng hoảng. Đối với Việt Nam, xét thứ tự ưu tiên nên là ba việc gì?*

Trả lời: 3 điều các bạn có thể làm để phát triển

- Giáo dục: Giáo dục đại học chất lượng cao có thể giúp thúc đẩy phát triển. Nhưng điều quan trọng hơn cả là giáo dục phổ cập, giáo dục có nền tảng tốt. Đối với các nước đang phát triển, giáo dục rất cần thiết.

- Phát triển Cơ sở hạ tầng với sự tham gia của chính phủ. Khu vực tư nhân không đủ khả năng trong lĩnh vực này.

- Tránh khủng hoảng tài chính: Khi nhìn vào cuộc khủng hoảng năm 1997, chúng ta nghĩ rằng các nước đã phục hồi. Nhưng thực ra chỉ có GDP phục hồi, còn con người thì không. Nhưng Indonesia không bao giờ phục hồi được mức tăng trưởng như trước khủng hoảng. Hàn Quốc thì có sự phục hồi khá vững chắc, nhưng GDP cũng không đạt được như mức trước khủng hoảng.

Khủng hoảng mang tầm thời đại, chứ thời đại mang hàm ý gì? Ông nghĩ gì về khả năng lạm phát sau khi thực thi gói kích cầu?

Trả lời: Đây là cuộc khủng hoảng của thời đại chúng ta. Đây là khủng hoảng thông thường (conventional), bề ngoài nhìn thì khác. Chúng ta cho rằng sự khác biệt nằm ở chỗ trong thời kỳ khủng hoảng tài chính năm 1931 nhiều người xếp hàng để rút tiền và hiện giờ ko có hiện tượng đó. Thực tế, hiện tượng này vẫn diễn ra. Các ngân hàng ngầm (shadow banks) tạo nên hệ thống rất phức tạp. Bây giờ cũng xuất hiện tình trạng từ bỏ thị trường tiền tệ, các quỹ tự vệ. Đây không phải là câu chuyện mới, mà chỉ là phiên bản mới của câu chuyện cũ. Tôi đọc đi đọc lại tác phẩm của Keynes viết vào những năm 30 và của Minsky viết vào những năm 70. Những gì các tác giả đó mô tả rất dễ nhận ra. Chúng ta rơi vào cuộc khủng hoảng này bởi vì chúng ta đã quên những bài học lịch sử.

Có người nhận định rằng cuộc khủng hoảng này thể hiện mô hình tự do phi điều chỉnh đã thất bại, mô hình bền vững hơn sẽ là mô hình thị trường xã hội nhà nước phúc lợi, mời giáo sư đánh giá?

Trả lời: Chúng ta biết rằng thị trường tài chính hiện đang nguy hiểm, nhưng thị trường thực vẫn rất mạnh. Sự so sánh giữa thị trường xã hội và thị trường tự do (laissez-faire) khó đem lại câu trả lời tức thì. Cả Tây Âu và Mỹ đều là những nền kinh tế thị trường, và hai mô hình hiện đều đang gặp rắc rối. Sự can thiệp của chính phủ tại Châu Âu mạnh hơn nhiều, khủng hoảng ở Châu Âu tồi tệ hơn. Châu Âu có nhiều các sản phẩm tài chính tương đương Mỹ. Khủng hoảng nhà đất diễn ra tồi tệ như nhau ở Florida (Mỹ) và Tây Ban Nha. Nợ xấu từ thế chấp diễn ra tại Mỹ và Đông Âu. Suy thoái ở Châu Âu và Mỹ tương đương nhau. Do đó, chúng ta không thể nói là thị trường xã hội có thể tốt hơn. Nhưng chi phí về con người trong thị trường xã hội lớn hơn Mỹ. So sánh về thất nghiệp, GDP như nhau nhưng thất nghiệp Mỹ tăng nhanh hơn, do không có sự giới hạn về sa thải nhân công ở Mỹ. Ở Mỹ, mất việc nghĩa là mất bảo hiểm và mất sinh kế, khác với Đức. Tôi nghĩ là đây là thời điểm tốt để xây dựng mạng lưới an sinh xã hội tốt hơn tại Mỹ.

Giáo sư nói là đây là khủng hoảng tài chính, nhưng tôi cho rằng nó có sự khác biệt vì nó xảy ra ở Mỹ - kiến trúc sư của kinh tế toàn cầu. Về tái cấu trúc nền kinh tế toàn cầu trong G20, GS đánh giá như thế nào? Sự phối hợp toàn cầu (G20, G7, thậm chí G2) sẽ có tác động như thế nào và giáo sư có tin tưởng vào nỗ lực này không?

Trả lời: Kinh tế sẽ được tái cấu trúc tới mức độ nào? Sự thay đổi này chỉ là về mặt từ ngữ mà thôi. Giờ đây Mỹ sẽ không đi thuyết giảng cho tất cả thế giới. Nhưng điều cơ bản là khi khủng hoảng kết thúc, sự phân phối quyền lực kinh tế sẽ không thay đổi nhiều (mặc dù sự kiêu hãnh về sức mạnh kinh tế có thể thay đổi).

Các nước trên thế giới đều đang trong giai đoạn suy thoái. Không nước nào còn khả năng áp dụng chính sách tiền tệ thông thường. Ở Châu Âu lãi suất đã ở mức 0%. Không thể theo đuổi chính sách tiền tệ một cách độc lập. Chính sách tài khóa ở một nước sẽ giúp nước khác hưởng lợi, điều này có nghĩa là chỉ được hưởng một phần lợi ích nhưng lại phải chịu gánh nặng về nợ toàn phần. Do đó chúng ta phải hợp tác với nhau. Một nước làm chưa đủ, mà cần có thỏa thuận về sự phối hợp. Nhưng G20 không làm được điều này. G20 đã đạt thỏa thuận tăng vốn cho IMF, đó là thành công lớn, nhất là đối với các nước nhỏ, nhưng chưa có cơ chế để phối hợp chính sách giữa các nước. Chúng ta cũng có sự khác biệt về ý thức hệ. Đức thì phản đối Keynes, nhưng Mỹ thì ủng hộ.

Giám đốc Viện nghiên cứu kinh tế chính sách Nguyễn Đức Thành: Cách đây 30 năm giáo sư có viết bài về hiệu ứng thu hẹp nền kinh tế (đồng tác giả với Lance Taylor). Việt Nam hiện có thâm hụt thương mại lớn, bây giờ ông còn giữ quan điểm đó ko?

Trả lời: Rất mừng là có người vẫn nhớ tới bài viết của tôi. Chúng ta không có hiệu ứng mạnh về các bảng cân đối tài sản. Hồi đó, có tác động thu hẹp trong nước, nhưng quy mô của tác động này bây giờ lớn hơn nhiều. Vì bây giờ nợ bằng tiền nước ngoài (khủng hoảng 1997 và khủng hoảng tại Đông Âu hiện nay), dòng vốn lưu chuyển dễ dàng hơn. Hiện giờ có thể vay tiền ở khắp

nơi để mua nhà (ví dụ có thể dùng Franc Thụy Sĩ hay đồng Yen Nhật để mua), nhưng khi khủng hoảng xảy ra sẽ dẫn tới khó khăn.

Trong 4 tháng đầu năm nay xuất khẩu Việt Nam sang Mỹ vẫn tăng 8%, cùng thời gian đó xuất khẩu Trung Quốc sang Mỹ giảm 10%. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam và Trung Quốc không khác nhau. Giáo sư giải thích thế nào về điều này?

Trả lời: Trước khủng hoảng, nhiều sản phẩm sử dụng nhiều lao động được nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam. Việc sản phẩm sử dụng nhiều lao động, lực lượng lao động cần cù, mức lương thấp đã có tác dụng đối với Việt Nam. Tôi nghĩ xu hướng này sẽ tiếp tục trong thời gian tới.

Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng: nêu hai câu hỏi

1. Mời Giáo sư đánh giá tác động của khủng hoảng toàn cầu đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước đang ở trình độ thấp và mới hội nhập quốc tế. Tác động với những nước mà kinh tế nông nghiệp, khu vực nông thôn chiếm tỷ trọng lớn. Lời khuyên với Việt Nam trong lĩnh vực này?

2. Giáo sư đã đề cập rất nhiều về giáo dục đào tạo để phát triển. Vai trò của kinh tế thị trường để phát triển xã hội (giáo dục, y tế), và vai trò của nhà nước như thế nào? Phải chăng ta cần quan tâm tới vai trò của nhà nước, nhưng cũng tận dụng tối đa vai trò của thị trường?

Trả lời: Tác động của khủng hoảng tới các nước đang phát triển chủ yếu thông qua dòng chảy thương mại, trừ Đông Âu có thị trường vốn bị tác động nhiều. Không may là thương mại thế giới đã suy giảm rất nhanh, tác động tiêu cực vượt ngoài dự kiến (tỉ lệ hơn năm đầu tiên của cuộc Đại suy thoái). Các nước chuyên sản xuất hàng công nghiệp chịu tác động nhiều nhất: Nhật, Đức, Hàn Quốc. Trung Quốc và Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng, nhưng không nặng nề bằng các nước trên. Sản phẩm nông nghiệp bị ảnh hưởng nhưng không nhiều. Các nước thu nhập thấp với tỷ trọng nông nghiệp lớn và kém phát triển có thể cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Khủng hoảng gây ảnh hưởng tới xuất khẩu, nhưng các bạn có thể cố gắng duy trì thị trường nội địa.

- Giáo dục không phải là lĩnh vực thị trường tự do có thể xử lý tốt. Không ai dựa vào thị trường để cung cấp giáo dục. Vì giáo dục là hàng hóa công, đây là nhiệm vụ của nhà nước. Chỉ có ở giáo dục bậc cao thì có thể dựa phần nào vào thị trường, nhưng vẫn có trường hợp nhà nước cung cấp giáo dục bậc cao một cách hiệu quả. Ở Mỹ, việc dựa vào tư nhân để cung cấp dịch vụ giáo dục đem lại kết quả không tốt, tham nhũng mèm đã xảy ra khi tư nhân hóa giáo dục. Có những người thân thiết với các chính trị gia được chọn để thực hiện các dịch vụ này.

- Y tế: bảo hiểm y tế nên do thị trường hay nhà nước cung cấp. Chúng tôi có kinh nghiệm trên cả 2 lĩnh vực này. Tôi cho rằng bảo hiểm căn bản nên là hoạt động của chính phủ, bảo hiểm tư nhân không thêm giá trị, mà chỉ đóng vai trò trung gian. Nếu mục tiêu của các bạn là bảo hiểm

y tế phổ cập thì nên để chính phủ cung cấp bảo hiểm. Trên thực tế, bảo hiểm tư nhân chỉ cạnh tranh nhau để không phải trả cho những người có rủi ro cao hơn. Mỹ hiện đang cố gắng để có bảo hiểm phổ cập. Các công ty bảo hiểm chỉ là những chướng ngại cản trở. Có 1 ví dụ gần đây là Đài Loan đã chuyển từ tư nhân sang chính phủ để cung cấp bảo hiểm, và đang vận hành rất tốt.

Chính phủ đứng ra để cung cấp dịch vụ y tế sẽ gặp khó khăn do mọi người thích tự lựa chọn dịch vụ. Có bằng chứng thể hiện tính hiệu quả hơn của hệ thống cung cấp dịch vụ y tế của tư nhân so với của chính phủ. Điều này phụ thuộc vào tầng lớp lãnh đạo. Ví dụ tại Mỹ bảo hiểm y tế phổ cập cung cấp cho người già từ 65 tuổi trở lên, bảo hiểm tư nhân cung cấp cho tất cả mọi người. Hệ thống bảo hiểm cho cựu chiến binh do chính phủ điều hành. 20 năm trước đây, hệ thống bảo hiểm cho cựu chiến binh hoạt động rất kém, nhưng sau khi Tổng thống Clinton cải cách, hệ thống này hiện được đánh giá là tốt nhất nước Mỹ. Do đó, chính phủ cung cấp dịch vụ y tế có thể tốt hoặc xấu, nếu được thực hiện tốt thì sẽ vận hành tốt. Tôi không thể tư vấn là các bạn nên đi theo hướng nào. Trong số các nước tiên tiến thì Pháp là nước có hệ thống bảo hiểm tốt nhất, việc hỗ trợ tài chính cho hệ thống bảo hiểm do chính phủ đảm nhiệm, còn thị trường cung cấp dịch vụ y tế nhưng dưới sự giám sát của nhà nước.

Rất nhiều nước tăng chi để thực hiện gói kích cầu, nên nhiều nước đang bội chi, và nợ đang tăng. Theo giáo sư, điều này có dẫn đến tình trạng nợ quốc gia không?

Trả lời: Chúng ta đều có vấn đề về nợ quốc gia. Đây không phải là vấn đề tự nhiên mà là lựa chọn bắt buộc. Iceland đã có khủng hoảng nợ nghiêm trọng. Ireland đã buộc phải dùng chính sách vay nợ. Anh bị giới hạn về phạm vi can thiệp. Nhật cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề. Các nước có thể rơi vào nợ 90-100% GDP trong tương lai gần, và họ sẽ phải giải thích xem họ sẽ trả nợ như thế nào.

PTTg Nguyễn Sinh Hùng: tôi muốn dành 5 phút cuối để giáo sư phát biểu về Việt Nam và có đôi lời khuyên cho Việt Nam.

Trả lời: Tôi không muốn đưa ra lời khuyên vì mọi người tại đây chắc chắn hiểu về Việt Nam hơn tôi. Các bạn đã có chiến lược phát triển thành công. Khủng hoảng hiện nay không phải lỗi của các bạn, mà của các nước xung quanh. Tôi nghĩ rằng Việt Nam có một số vấn đề thông thường về chính sách như thâm hụt tài chính (đây là điều phải quan tâm kể cả sau khủng hoảng), lạm phát cao. Nền kinh tế cơ bản vững mạnh, mô hình phát triển dựa vào xuất khẩu đã phát huy tác dụng. Đây không phải là kết quả của những lời khuyên của người Mỹ. 10 năm trước đây, khi tôi muốn tới trung tâm của khủng hoảng tài chính, tôi phải bay những chuyến bay dài. Giờ đây tôi chỉ cần đi tàu điện là có thể tới New York! Tôi chúc các bạn may mắn.

Phó TTg Nguyễn Sinh Hùng: xin cảm ơn GS